TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày: 20-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tiến Dũng - Giáo viên;

Bà Trần Thị Thúy Phượng - Công chức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2023/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/01/2002, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1976; Có vợ là Thạch Thị T, sinh năm 1998 và một người con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Ngày 05/6/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố bị can, bị cáo tại ngoại từ đầu cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1957 (vắng có đơn);

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1959 (vắng có đơn).

Cùng nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng:

1. Trang Gia T, sinh ngày 20/8/2009 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp cho Trang Gia T là bà Phạm Thị X, sinh năm 1962 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Định Phú A, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Thạch Sa R, sinh ngày 27/10/2009 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Thạch Sa R là bà Thạch Thị N, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 14/4/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cùng bạn là Trang Gia T và Thạch Sa R đi từ nhà của bị cáo tại ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nhà cậu ruột của bị cáo tên Huỳnh Bửu N cư ngụ cùng ấp để uống bia. Khi bị cáo cùng T và R đi ngang qua cầu "Bà Lành" để đến nhà ông N thì bị cáo nhìn thấy ông Huỳnh Văn N và vợ là Huỳnh Thị N cư trú cùng ấp đang điều khiển xuồng máy chở theo các ngư cụ (loại 12 cửa ngục) để đánh bắt thủy sản dọc theo tuyến kênh "Bà Lành" hướng từ ấp 1, xã P đến ấp 4, xã P, huyện C; Nên bị cáo đứng trên cầu quan sát và nảy sinh ý định lấy trộm các ngư cụ để sử dụng làm công cụ đánh bắt ếch, cá bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi quan sát xong, thấy ông N đã đặt các ngư cụ xuống dưới kênh nước thì bị cáo cùng T và R tiếp tục đi đến nhà ông N.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo, T và R đi về nhà. Trên đường đi về bị cáo rủ T và R lấy trộm các ngư cụ đánh bắt thủy sản của vợ chồng ông N thì T và R đồng ý. Lúc này, bị cáo đi cùng T và R dọc theo tuyến kênh để đến vị trí mà ông Nam đặt các ngư cụ. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên bị cáo kêu R đứng trên bờ, T đứng cặp bờ kênh dưới mé nước, còn bị cáo lội xuống kênh nước mò tìm các ngư cụ đưa cho T chuyền lên bờ cho R sắp xếp lại. Sau khi phân công nhiệm vụ xong thì bị cáo lội xuống kênh nước mò tìm và lấy trộm được 21 ngư cụ đánh bắt thủy sản đưa cho T để chuyển lên bờ cho R xếp (thu gọn) lại. Sau đó, bị cáo cùng với T và R về nhà bị cáo lấy 02 giỏ xách bằng nhựa màu xanh, sọc vàng - cam rồi quay lại để các ngư cụ vừa trộm được vào và đem về nhà bị cáo cất giấu. Sau khi cất giấu xong các ngư cụ đã lấy trộm, T về nhà còn R thì ở lại nhà của bị cáo chơi. Lo sợ bị gia đình phát hiện nên khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo cùng với R để các ngư cụ đã cất giấu vào 03 cái bao nylon. Sau đó, bị cáo và R cất giấu 01 bao nylon ở nhà ngoại của bị cáo tại ấp 1, xã P, huyện C; 01 bao nylon đem đến cầu Phú Thạnh 3 và 01 bao đem đến cầu đal (không có tên) thuộc ấp 4, xã P, huyện C để đổ tất các các ngư cụ xuống kênh nước nhằm không để người khác phát hiện rồi cả hai quay về nhà (Bút lục: 95-96, 101-102, 117-118).

Khoảng 02 giờ ngày 15/4/2023, ông N cùng bà N đi dỡ (thăm) các ngư cụ đã đặt để thu hoạch thủy sản thì phát hiện mất trộm nên trình báo Cơ quan điều tra.

Quá trình làm việc ông N xác định bị mất 21 ngư cự đánh bắt thủy sản (loại 12 cửa ngục), giá mỗi ngư cụ đánh bắt thủy sản được ông N mua vào tháng 01/2023 tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh với giá 230.000 đồng/cái (Bút lục: 105-106, 107-108).

Ngày 17/5/2023, Cơ quan điều tra yêu cầu định giá tài sản đối với 21 ngư cụ đánh bắt thủy sản (loại 12 của ngục). Kết quả định giá tài sản số: 15/BKL-HĐĐG ngày 18/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè xác định tài sản yêu cầu định giá tại thời điểm mất trộm có tổng giá trị 3.150.000 đồng (Bút lục: 59-60).

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản cùng các tài liệu đã được Cơ quan điều tra thu thập, xác định bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với Trang Gia T và Thạch Sa R thì tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm chưa đủ 14 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự (Bút lục: 139, 140).

* *Vật chứng vụ án:* Bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 21 ngư cụ dùng để đánh bắt thủy sản (loại 12 cửa ngục) cùng 02 giỏ xách bằng nhựa màu xanh sọc vàng - cam, đã qua sử dụng. Đối với các ngư cụ dùng để đánh bắt thủy sản và giỏ xách bằng nhựa màu xanh sọc vàng - cam, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông N và bà L (Bút lục: 131 - 132).

* *Trách nhiệm dân sự:*

Bị hại yêu cầu bị cáo cùng Trang Gia T và Thạch Sa R bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. Đối với số tiền mà bị hại yêu cầu bồi thường thì bà Huỳnh Thị Kim L (mẹ ruột bị cáo Đ); Bà Phạm Thị X (bà ngoại của Trang Gia T) và bà Thạch Thị N (mẹ ruột Thạch Sa R) đã bồi thường cho bị hại xong. Đối với số tiền đã bồi thường cho bị hại thì bà L, bà X và bà N không yêu cầu bị cáo Đ, Trang Gia T và Thạch Sa R phải trả lại (Bút lục: 85-86, 87-88, 89-90, 103-104).

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-HS ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng thể hiện là đúng và không bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng.

Phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm 0, khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung

năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên đề nghị không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có ý kiến tranh luận: Không có.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ nói lời sau cùng: Bị cáo im lặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại là ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị N nhưng họ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bị hại và tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận rằng: Vào khoảng 18 giờ ngày 14/4/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi rủ rê Trang Gia T và Thạch Sa R đi lấy trộm các ngư cụ (loại 12 của ngục) của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị N được đặt dưới kênh nước "Bà Lành" thuộc ấp 4, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè nhằm mục đích đánh bắt thủy sản thì được T và R đồng ý. Sau đó, bị cáo cùng T và R đã lấy trộm được 21 ngư cụ đánh bắt thủy sản rồi đem đi cất giấu để tránh bị phát hiện. Kết luận định giá tài sản xác định tài sản bị mất trộm có giá trị 3.150.000 đồng.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Trang Gia T và Thạch Sa R khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông N và bà N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, xử lý.

[3] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định và hành vi này nên các quyết định và hành vi này đều hợp pháp. Về những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập là hợp pháp.

[4] Xét tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và có điều kiện đi làm kiếm tiền để nuôi sống bản thân và lo cho gia đình. Bị cáo biết việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật xử lý. Lẽ ra bị cáo phải bỏ chi phí để tự mua công cụ đánh bắt thủy sản kiếm thêm nguồn thu nhập cho bản thân và gia đình nhưng khi bị cáo phát hiện ông N và bà N đặt lưới 12 của ngục trên kênh "Bà Lành" để đánh bắt thủy sản thì bị cáo đã lấy trộm lưới 12 cửa ngục của ông N và bà N để làm công cụ đánh bắt thủy sản mà không cần phải tốn chi phí để mua. Hành vi của bị cáo thể hiện sự thiếu tôn trọng pháp luật và các quy định tại địa phương nơi bị cáo cư trú, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Với tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành một công dân có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là *"xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"* quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa chính xác. Bởi vì, bị cáo có hành vi xúi giục Trang Gia T và Thạch Sa R thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông N và bà N. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông N và bà N thì Trang Gia T và Thạch Sa R chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không phạm tội. Vì vậy, không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Cho nên trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho phía bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có ông Nội và bà Nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các điểm b, i, s

khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết xử phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Tòa án nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là chưa chính xác nên không được chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Ngọc Đ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Huỳnh Thị Kim Loan có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị N vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chí Điền